

Số:16016 /UBND-NN

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 10 năm 2022

V/v hướng dẫn áp dụng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Công văn số 1211/TCMT-CPTTR ngày 12/5/2021 của Tổng cục Môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường về triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 04/6/2022 của UBND tỉnh về triển khai Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Trên cơ sở báo cáo và đề xuất tại Công văn số 4397/SNN&PTNT-PTNT ngày 18/10/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn áp dụng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, kèm theo ý kiến tham gia của Sở Tư pháp tại Công văn số 1874/STP-XDKTVB ngày 18/10/2022, Sở Tài chính tại Công văn số 5749/STC-QLNS&TKTC ngày 14/10/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 9134/STNMT-BVMT ngày 15/10/2022, Sở Xây dựng tại Công văn số 7661/SXD-KTXD ngày 16/10/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 7126/SKHĐT-KTNN ngày 17/10/2022, Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 1652/SKH-CN-QLCS ngày 17/10/2022; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm túc việc áp dụng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, bao gồm các nội dung như sau:

I. Xử lý chất thải trong chăn nuôi

Quy định tại Thông tư 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác, cụ thể:

1. Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ

- Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi gia súc, gia cầm thực hiện xử lý chất thải chăn nuôi bằng một hoặc một nhóm các biện pháp sau: ủ compost, công nghệ khí sinh học (biogas), chế phẩm sinh học, độn lót sinh học hoặc các

giải pháp khác theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để sử dụng cho cây trồng;

- Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ trong chăn nuôi trang trại đã qua xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được sử dụng cho cây trồng hoặc làm thức ăn cho thủy sản. Trong thời gian chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, việc xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý chuyên ngành;

- Việc vận chuyển chất thải chăn nuôi ra khỏi cơ sở chăn nuôi trang trại phải sử dụng phương tiện, thiết bị đảm bảo kín khít, không bị tràn đổ, rò rỉ, không gây ô nhiễm môi trường phù hợp với quy định;

- Việc sử dụng chất thải rắn chăn nuôi có nguồn gốc hữu cơ phát sinh từ hoạt động chăn nuôi trang trại để sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất phải đáp ứng quy định và không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sử dụng;

- Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh và chất thải nguy hại khác phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.

2. Nước thải chăn nuôi

- Nước thải chăn nuôi được xử lý bằng một hoặc một nhóm các biện pháp sau: công nghệ khí sinh học, ao sinh học, chế phẩm sinh học hoặc các biện pháp khác được sử dụng cho cây trồng phải đảm bảo hạn chế phát sinh mùi hôi, thối và không để chảy tràn ra môi trường xung quanh;

- Nước thải chăn nuôi phải được xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt hoặc dùng cho tưới tiêu cho cây trồng trong khuôn viên chăn nuôi.

II. Hỗ trợ khi ngừng hoạt động hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh

Quy định tại Điểm 1.6, Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025, cụ thể:

a) Đối tượng hỗ trợ: tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ (có từ 5.000 kg đến dưới 15.000 kg khối lượng vật nuôi sống); trang trại chăn nuôi quy mô vừa (có từ 15.000 kg đến dưới 150.000 kg khối lượng vật nuôi sống); trang trại chăn nuôi quy mô lớn (có từ 150.000 kg khối lượng vật nuôi sống trở lên)

- Trang trại chăn nuôi có trước ngày Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi, phải ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

c) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 1 lần, thời gian hỗ trợ 3 tháng: 4 triệu đồng/tháng đối với trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ; 5 triệu đồng/tháng đối với trang trại chăn nuôi quy mô vừa; 8 triệu đồng/tháng đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn.

- Ngoài ra trang trại chăn nuôi có nhu cầu di dời đến địa điểm mới để tiếp tục chăn nuôi, bên cạnh mức hỗ trợ nêu trên thì mỗi trang trại chăn nuôi được hỗ trợ thêm một phần chi phí vận chuyển (di chuyển chuồng trại, vật nuôi, thiết bị chăn nuôi), cụ thể:

+ Di chuyển dưới 30 km (tính từ địa điểm trang trại chăn nuôi cũ đến địa điểm trang trại mới): hỗ trợ 3 triệu đồng đối với trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ, 4 triệu đồng đối với trang trại chăn nuôi quy mô vừa và 5 triệu đồng đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn.

+ Di chuyển trên 30 km (tính từ địa điểm trang trại chăn nuôi cũ đến địa điểm trang trại mới): hỗ trợ 5 triệu đồng đối với trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ, 6 triệu đồng đối với trang trại chăn nuôi quy mô vừa và 7 triệu đồng đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn.

d) Thời điểm nhận hỗ trợ: sau khi trang trại chăn nuôi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định của pháp luật, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Nguồn vốn hỗ trợ: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế hàng năm của ngân sách tỉnh.

III. Xử lý chất thải trong trồng trọt và bảo vệ thực vật

1. Thu gom, xử lý và sử dụng phụ phẩm cây trồng

Quy định tại Thông tư 19/2019/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định việc thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng, cụ thể:

a) Thu gom phụ phẩm cây trồng

- Phụ phẩm cây trồng được thu gom, phân loại theo mục đích sử dụng; không để lẫn với hóa chất, bao bì, vỏ chai đựng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, tạp chất vô cơ khác trong quá trình thu gom, vận chuyển.

- Việc thu gom, vận chuyển phụ phẩm cây trồng không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp tại khu vực canh tác, giao thông; không gây ô nhiễm môi trường, lan truyền sinh vật gây hại.

b) Xử lý phụ phẩm cây trồng: Phụ phẩm cây trồng được xử lý như sau: Cày vùi hoặc phay, ép xanh theo rãnh hoặc phủ luống, phơi khô, ... các giải pháp, biện pháp xử lý khác.

c) Sử dụng phụ phẩm cây trồng: Khuyến khích sử dụng phụ phẩm cây trồng làm nguyên liệu để sản xuất nấm; sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất phân bón hoặc làm nguyên liệu cho các ngành sản xuất khác.

2. Thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng

Quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Bộ Tài nguyên và Môi trường

về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, cụ thể:

2.1. Yêu cầu của bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được quy định như sau:

a) Đặt tại các vị trí thích hợp, dễ nhận biết ven đường, trục giao thông nội đồng, bờ ruộng lớn; không bị ngập lụt, gần điểm pha chế thuốc trước khi đem đi phun rải để thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

b) Làm bằng vật liệu bền chắc, có khả năng chống ăn mòn, không bị rò rỉ, không phản ứng hóa học với chất thải chứa bên trong; có khả năng chống thấm, không thấm thấu chất thải ra bên ngoài; đảm bảo không bị gió, nước làm xô dịch;

c) Có hình ống hoặc hình khối chữ nhật phù hợp với địa điểm đặt bể chứa, thuận tiện cho việc di chuyển. Dung tích bể chứa Khoảng $0,5 - 01 \text{ m}^3$, có nắp đậy kín. Nắp bể chắc chắn, không bị gió, mưa làm xô dịch và rộng hơn thành bể tối thiểu 05 cm để tránh nước mưa chảy vào; bên thành đứng của bể chứa có ô cửa nhỏ gần nắp đậy có thể đóng mở dễ dàng; bể có chiều cao thích hợp để phòng ngừa nước lũ tràn vào bên trong;

d) Bên ngoài bể chứa có ghi dòng chữ “Bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng” và biểu tượng cảnh báo nguy hiểm theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo;

đ) Tùy thuộc vào đặc điểm cây trồng và mức độ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, số lượng bể chứa phải đảm bảo chứa đựng hết bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trong vùng đất canh tác. Nhưng tối thiểu phải có 01 bể chứa trên diện tích 03 ha đất canh tác cây trồng hàng năm hoặc 10 ha đất canh tác cây trồng lâu năm có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

2.2. Vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng

Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom từ bể chứa hoặc khu vực lưu chứa được vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định và phải được chuyển giao cho đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp để xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

IV. Hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

Quy định tại Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân về việc ban hành chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2025, cụ thể:

1. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng ngoài hàng rào dự án đối với các dự án đầu tư xử lý CTRSH: Chủ đầu tư có dự án xử lý CTRSH được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước có công suất xử lý từ 50 tấn/ngày trở lên, sử dụng công nghệ đốt (đốt triệt để, đốt phát điện) hoặc công nghệ hỗn hợp (sản xuất phân bón, tái chế phế liệu kết hợp đốt), đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20% và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư được hỗ trợ 100% kinh phí (50% ngân sách tỉnh; 50% còn lại do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố huy động từ các nguồn hợp pháp để thực hiện) đầu tư

xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào dự án, gồm: Đường giao thông, hệ thống thoát nước.

2. Hỗ trợ chi phí xử lý CTRSH: Các hộ gia đình, cá nhân không có hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ được hỗ trợ 100% chi phí xử lý CTRSH (Đối với thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%; đối với các huyện đồng bằng, ven biển, ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%; đối với các huyện miền núi, ngân sách tỉnh hỗ trợ 80%. Phần còn lại do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tự cân đối từ nguồn sự nghiệp môi trường và huy động từ các nguồn hợp pháp để thực hiện).

3. Nguồn vốn thực hiện hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí xử lý CTRSH tại các khu xử lý từ nguồn vốn sự nghiệp môi trường hàng năm của tỉnh.

V. Hỗ trợ xây dựng hệ thống mương, rãnh thoát nước thải khu dân cư có nắp đậy

Quy định tại Điểm 2.2, Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025, cụ thể:

- Đối tượng hỗ trợ: các xã nằm trong kế hoạch phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2022-2025 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

- Điều kiện hỗ trợ: hệ thống mương, rãnh thoát nước thải khu dân cư trên địa bàn xã chưa đạt chuẩn theo yêu cầu tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Mức hỗ trợ: hỗ trợ xi măng, với mức hỗ trợ 1.000 tấn xi măng/xã.

- Thời điểm nhận hỗ trợ: sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao khối lượng xi măng hỗ trợ.

- Nguồn vốn hỗ trợ: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế hàng năm của ngân sách tỉnh

VI. Cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn

Quy định tại Điều 12, Thông tư 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn 1, từ năm 2021-2025 và Kế hoạch 120/KH-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch triển khai trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025.

a) Đối tượng được hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện các hoạt động trồng cây phân tán.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ tổ chức các hoạt động phong trào tết trồng cây, các hoạt động trồng cây phân tán;

- Hỗ trợ một phần kinh phí mua cây giống trồng cây phân tán.

c) Mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, điều kiện nhận hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg.

d) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ hằng năm theo dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

VII. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất triển khai các biện pháp thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn nhằm đảm bảo tiêu chí về môi trường cho các xã nông thôn mới theo lộ trình; theo dõi việc thực hiện các chính sách;

- Chủ trì, hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố thực hiện lồng ghép nội dung thu gom rác thải và vệ sinh môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; tham mưu tổ chức thực hiện thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trong hoạt động nông nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn này; định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện trước ngày 15/12 hàng năm.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung, tiêu chí về bảo vệ môi trường nông thôn, biện pháp thu gom và xử lý chất thải phù hợp;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn thực hiện việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt đúng theo quy định.

3. Các sở, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện theo các chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Thực hiện quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường theo quy hoạch được phê duyệt; quản lý công tác thu gom và xử lý chất thải quy mô cấp huyện;

- Hàng năm, căn cứ nhu cầu của địa phương bố trí ngân sách để thực hiện đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn;

- Hàng năm xây dựng và triển khai kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn;

- Tổ chức theo dõi, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường; khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường tại các điểm, khu vực ô nhiễm trên địa bàn nông thôn.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tổ chức thống kê và quản lý các loại chất thải sinh hoạt, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát sinh trên địa bàn; tổ chức hoạt động giữ gìn vệ sinh, cải tạo cảnh quan nông thôn; quy định về hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường trên địa bàn nông thôn;

- Tổ chức triển khai hoạt động phân loại CTRSH của hộ gia đình, cá nhân, tuyên truyền, vận động hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thực hiện việc phân loại, thu gom chất thải rắn sinh theo quy định; thực hiện nhiệm vụ công khai hợp đồng cung ứng dịch vụ đã ký kết của UBND cấp huyện (hoặc UBND cấp xã) với cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, phổ biến rộng rãi về thời gian và phương thức chuyển giao CTRSH cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ TN&MT (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- VPDP NTM tỉnh;
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang